TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22- 3-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đáng

2. Ông Nguyễn Trung Hoà

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Ánh T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lâm Thị Ánh T trình bày yêu cầu như sau:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường G tự nguyện tiến đến hôn nhân đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 27/9/2017. Vợ chồng sống cho đến ngày 01/01/2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G thường xuyên uống rượu về đánh đập chị, vợ chồng không chung sống với nhau khoảng 01 năm. Nay chị T xin ly hôn anh Nguyễn Trường G.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ánh N sinh ngày 25/02/2016 chị T yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyễn Thị Ánh N sinh ngày 25/02/2016 là con chung của chị T anh G có lời khai cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ là Lâm Thị Ánh T.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Trường G, mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh G vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Trường G vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

*Về thủ tục tố tụng:*Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị T ly hôn anh G. Về con chung: Nguyễn Thị Ánh N sinh ngày 25/02/2016 có nguyện vọng sống chung với chị T nên đề nghị chấp nhận cho chị T tiếp tục nuôi con chung theo nguyện vọng của con.Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét.Về tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa chị T và anh G là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, chị T xin xét xử vắng mặt, anh G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh G vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh G.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị T và anh G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 27/9/2017 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị T và anh G là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu của chị T xin ly hôn anh G, thì thấy rằng chị T khai sau khi kết hôn vợ chồng sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh G thường xuyên đi uống rượu về kiếm chuyện đánh đập chị, sống không hạnh phúc nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân cho đến nay, thời gian ly thân chị và anh G không gặp nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, tại Toà chị T cho

rằng không còn tình cảm với anh G và cương quyết xin được ly hôn, về phía anh G Toà án triệu tập 02 lần đến Toà để hoà giải việc ly hôn, anh G không đến và hôm nay là phiên toà triệu tập lần thứ 2, anh G cũng không đến trình bày ý kiến của anh về việc chị T xin ly hôn. Mặt khác, qua xác minh của Toà án tại địa phương thì biết rằng anh G không đồng ý ly hôn và có yêu cầu đoàn tụ, tuy nhiên anh không đến Toà để gặp chị T hay đến gia đình chị T để gặp chị T trao đổi, bàn bạc việc đoàn tụ, điều này chứng minh rằng anh G không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng với chị T vì vậy mà nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T tự nguyện xin ly hôn anh G là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.3] *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Ánh N sinh ngày 25/02/2016, đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi và Nguyễn Thị Ánh N có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị T khi cha mẹ ly hôn.

Xét thấy con chung tên Nguyễn Thị Ánh N từ khi vợ chồng ly thân, chị T nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con đã ổn định, tình cảm giữa chị T và con gắng bó hơn, mặt khác Nguyễn Thị Ánh N có nguyện vọng được sống chung với chị T vì vậy chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị T, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lâm Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Ánh T được ly hôn anh Nguyễn Trường G.
- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Thị Ánh N sinh ngày 25/02/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lâm Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019181 ngày 15/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Long Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh